

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại, dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa bằng đường bộ, cho thuê phương tiện vận tải; Dịch vụ giới thiệu việc làm, cung ứng lao động, xuất khẩu lao động; Dịch vụ nhà đất, cho thuê kho, bãi đậu xe...
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Công ty có 2049 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 1784 nhân viên)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền đối với nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc và thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5
Tài sản cố định khác	4 - 5

3474

ING T
NHIỆM V
A TOÁN
Ư V

P HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư từ 10-30 năm.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 05 tháng 7 năm 2005 của Ban Chỉ đạo Cổ phần hóa Doanh nghiệp. Lợi thế kinh doanh được phân bổ trong vòng 20 năm.

Năm 2010, dựa theo Biên bản Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2009 của Kiểm toán Nhà nước ngày 15 tháng 12 năm 2010, Công ty đã kết chuyển toàn bộ giá trị chưa phân bổ vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2010.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo sổ thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

ANH H

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền và các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xóa số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Tuy nhiên, nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2009: 17.941 VND/USD
31/12/2010: 18.932 VND/USD

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	333.027.902	423.814.787
Tiền gửi ngân hàng	6.826.239.046	11.032.996.906
Các khoản tương đương tiền	30.200.000.000	14.700.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>		
Cộng	<u>37.359.266.948</u>	<u>26.156.811.693</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành.	15.499	619.994.000	13.333	800.000.000
Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú	500	35.275.500	500	35.275.500
Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu	500	18.674.400	500	18.674.400
Công ty Cổ phần Nam Việt	1.600	150.504.000	1.600	150.504.000
Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương	500	25.338.375	500	25.338.375
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh	1.500	70.104.300	1.000	70.104.300
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	2.426	136.287.650	2.022	132.247.650
Tổng Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí	1.000	83.834.000	1.000	83.834.000
Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	1.200	106.765.400	600	106.765.400
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	4.800	118.777.600	2.400	94.777.600
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam	3	104.220	1.333	46.210.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	2.185	216.850.000	2.000	215.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu nước giải khát Sài Gòn	2.000	140.000.000	2.000	140.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.000	21.887.200	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội	500	6.877.400	-	-
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	805	18.612.000	-	-
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	800	34.969.320	-	-
Công ty Cổ phần Quốc Cường Gia Lai	1.000	26.204.400	-	-
Cộng		<u>1.831.059.765</u>		<u>1.918.731.225</u>

4102
CỔ
RÁCH
KIẾ
T

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành: Công ty nhận 5.166 cổ phiếu thưởng đồng thời bán 3.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 180.006.000 VND.
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam: giảm do bán 1.330 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 46.105.780 VND.
- Cổ phiếu của các đơn vị khác tăng do Công ty mua thêm và nhận cổ phiếu thưởng..

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Khoản lập dự phòng cho các loại cổ phiếu nắm giữ nhằm mục đích bán trong ngắn hạn.

Tình hình trích lập dự phòng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(1.027.507.625)	(1.456.958.625)
Số hoàn nhập trong năm	23.494.360	429.451.000
Số cuối năm	<u>(1.004.013.265)</u>	<u>(1.027.507.625)</u>

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Liên doanh Nhà máy Bia Việt Nam	4.743.813.226	3.115.800.067
Công ty Sản xuất Nhựa may mặc 1/5 (*)	182.869.868	173.297.501
Khách hàng khác	-	51.953.120
Cộng	<u>4.926.683.094</u>	<u>3.341.050.688</u>

- (*) Khoản phải thu này liên quan khoản phải trả cho Công ty TNHH Jia Ling. Theo Quyết định thi hành án số 839/THA-YC ngày 02 tháng 11 năm 2006, Công ty Sản xuất Nhựa May mặc 1/5 phải thanh toán trả nợ, đồng thời khi thu được nợ thì Công ty phải trả cho Công ty TNHH Jia Ling. Tuy nhiên trong năm 2008 Công ty không thu hồi được khoản nợ này và đã lập dự phòng 100%. (xem thuyết minh số V.7 và V.19).

5. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước tiền thi công công trình 28 Võ Trường Toản, Phường An Phú, Quận 5	6.267.358.290	528.345.561
Trả trước khác	169.750.000	269.750.000
Cộng	<u>6.437.108.290</u>	<u>798.095.561</u>

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cổ phần hóa	28.642.728	28.642.728
Phải thu tiền BHXH của Công ty TNHH Nhà máy Bia Việt Nam	932.471.606	420.000.000
Lãi liên doanh Trường Quốc tế TP. Hồ Chí Minh	7.848.487.784	7.437.656.842
Phải thu tiền gửi có kỳ hạn	502.114.000	-
Cộng	<u>9.311.716.118</u>	<u>7.886.299.570</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Dự phòng cho khoản phải thu Công ty Sản xuất Nhựa may mặc 1/5.

Tình hình trích lập dự phòng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(173.297.501)	(163.985.936)
Trích lập dự phòng bổ sung	(9.572.367)	(9.311.565)
Số cuối năm	(182.869.868)	(173.297.501)

8. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	231.196.900	71.815.900
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	6.000.000	6.000.000
Cộng	237.196.900	77.815.900

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	2.660.293.209	3.067.105.532	3.061.953.784	129.798.945	191.647.908	9.110.799.378
Mua sắm mới	-	-	-	15.454.545	36.827.273	52.281.818
Số cuối năm	2.660.293.209	3.067.105.532	3.061.953.784	145.253.490	228.475.181	9.163.081.196

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	2.429.631.706	111.708.036	170.102.453	2.711.442.195
---	---	---	---------------	-------------	-------------	---------------

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	399.043.980	2.102.114.825	2.631.907.423	116.731.496	178.531.115	5.428.328.839
Khấu hao trong năm	106.411.728	463.195.524	263.183.586	9.275.523	6.183.615	848.249.976
Số cuối năm	505.455.708	2.565.310.349	2.895.091.009	126.007.019	184.714.730	6.276.578.815

Giá trị còn lại

Số đầu năm	2.261.249.229	964.990.707	430.046.361	13.067.449	13.116.793	3.682.470.539
Số cuối năm	2.154.837.501	501.795.183	166.862.775	19.246.471	43.760.451,00	2.886.502.381

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào chi phí trong năm	Kết chuyển vào chi trả trước dài hạn	Số cuối năm
Công trình Trung tâm dịch vụ quốc tế	623.786.149	-	-	-	623.786.149
Công trình 20-22-24 Nguyễn Thị Nhỏ, Phường 14, Quận 5	100.600.900	-	-	-	100.600.900
Công trình nhà 28 Võ Trường Toản, Phường An Phú, Quận 2	1.955.800.417	2.537.719.252	(411.582.815)	(71.964.690)	4.009.972.164
Công trình Trung tâm Thương mại và Dịch vụ 223 Bến Bình Đông, Quận 8	126.991.382	-	-	-	126.991.382
Cộng	2.807.178.848	2.537.719.252	(411.582.815)	(71.964.690)	4.861.350.595

11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư
Bất động sản đầu tư là nhà cho thuê.

	Nhà
Nguyên giá	4.611.658.284
Số đầu năm	4.611.658.284
Số cuối năm	
Giá trị hao mòn	3.695.289.219
Số đầu năm	380.999.963
Khấu hao trong năm	4.076.289.182
Số cuối năm	
Giá trị còn lại	916.369.06
Số đầu năm	535.369.102
Số cuối năm	

Tại thời điểm cuối năm Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư trên.

12. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn Du lịch ⁽ⁱ⁾	100%	2.000.000.000	100%	2.000.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn Nhân lực ⁽ⁱⁱ⁾	100%	5.000.000.000	100%	5.000.000.000
Công ty TNHH MTV Sài Gòn Kinh thương ⁽ⁱⁱⁱ⁾	100%	500.000.000	100%	500.000.000
Cộng		7.500.000.000		7.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4104008486 ngày 09 tháng 3 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn Du lịch 2.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0307806093 ngày 14 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn Nhân lực 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4104007823 ngày 20 tháng 01 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Sài Gòn Kinh thương 500.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.

13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị
Trường Quốc tế TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	-	-	30%	4.963.920.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Căn hộ Xanh CT - Dầu khí ⁽ⁱⁱ⁾	30%	1.800.000.000	30%	1.800.000.000
Cộng		1.800.000.000		6.763.920.000

- (i) Công ty góp vốn thành lập Trường Quốc tế TP. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411032001065 do Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 09 tháng 01 năm 2009 thay thế Giấy phép đầu tư số 661/GP do Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư (nay là Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cấp ngày 11 tháng 8 năm 1993. Khoản đầu tư này đã được Công ty chuyển nhượng cho bên thứ ba.

- (ii) Công ty góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 13/2009/SPSC_CT Group ngày 15 tháng 7 năm 2009 và Phụ lục số 01/13/2009/PLHD/SPSC-CT Group ngày 15 tháng 7 năm 2009 để thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Căn hộ Xanh CT - Dầu khí theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309529938 ngày 27 tháng 10 năm 2009 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Hình thức hợp tác là thành lập công ty liên kết với tỷ lệ góp vốn của Công ty là 30% tổng vốn điều lệ. Mục đích kinh doanh là đầu tư xây dựng và khai thác Tòa nhà tại khu đất số 259 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Công ty được hưởng lợi nhuận hàng năm tương đương tỷ lệ góp vốn trên phần thu nhập ròng của công ty này nhưng không thấp hơn 4.000.000.000 VND/năm, bắt đầu từ thời điểm Tòa nhà chính thức đưa vào hoạt động kinh doanh, khai thác.

14. Đầu tư dài hạn khác

Khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Tăng do chuyển từ đầu tư xây dựng cơ bản	Phân bổ vào chi phí trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Lợi thế kinh doanh (*)	2.737.695.241	-	-	(2.737.695.241)	-
Phí làm nhà vệ sinh	-	71.964.690	(47.976.460)	-	23.988.230
Cộng	2.737.695.241	71.964.690	(47.976.460)	(2.737.695.241)	23.988.230

(*) Khoản lợi thế kinh doanh được Công ty phân bổ trong vòng 20 năm và tiếp tục được phân bổ theo Nghị quyết số 006/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 12 năm 2008 và Tờ trình số 314/TT-SPSC ngày 10 tháng 12 năm 2008.

Năm 2010, dựa theo Biên bản kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2009 của Kiểm toán Nhà nước ngày 15 tháng 12 năm 2010, Công ty ghi nhận toàn bộ phần giá trị còn lại của Lợi thế kinh doanh vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

16. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đặt cọc tiền nhà 28, Võ Trường Toản	24.441.401.320	18.120.410.000
Đặt cọc tiền nhà 236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa	-	1.190.995.344
Ký quỹ du lịch lữ hành quốc tế	250.000.000	250.000.000
Ký quỹ xuất khẩu lao động	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	25.691.401.320	20.561.405.344

17. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Jia Ling (*)	289.432.416	274.282.008
Các nhà cung cấp khác	211.211.860	751.691.997
Cộng	500.644.276	1.025.974.005

(*) Khoản phải trả này liên quan khoản phải thu Công ty sản xuất Nhựa may mặc 1/5. Theo Quyết định thi hành án số 839/THA-YC ngày 22 tháng 11 năm 2006, Công ty sản xuất Nhựa may mặc 1/5 phải thanh toán trả nợ, đồng thời khi thu được nợ thì Công ty phải trả cho Công ty TNHH Jia Ling (xem thuyết minh số V.4).

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	439.738.904	6.251.285.191	(6.201.755.584)	489.268.511
Thuế thu nhập doanh nghiệp	66.359.019	9.136.126.594	(8.338.745.682)	863.739.931
Tiền thuế đất	37.556.000	344.857.800	(382.413.800)	-
Thuế thu nhập cá nhân	27.140.825	599.476.936	(468.474.221)	158.143.540
Các loại thuế khác	401.828.805	3.613.585.179	(3.933.152.482)	82.261.502
Cộng	972.623.553	19.945.331.700	(19.324.541.769)	1.593.413.484

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Dịch vụ giới thiệu việc làm, cung ứng lao động; cho thuê nhà, kho bãi, môi giới địa ốc, dịch vụ du lịch	10%
Dịch vụ vận chuyển	5%
Dịch vụ xuất khẩu lao động	0%
Du lịch nước ngoài	Không chịu thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35.494.283.362	8.540.469.925
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	628.094.660	(6.868.793.897)
Các khoản điều chỉnh tăng ⁽ⁱ⁾	664.464.060	707.940.263
Các khoản điều chỉnh giảm ⁽ⁱⁱ⁾	(36.369.400)	(7.576.734.160)
Thu nhập chịu thuế	36.122.378.022	1.671.676.028
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	9.030.594.506	417.919.007
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	(14.322.172)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	9.030.594.506	403.596.835
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	105.532.088	218.169.826
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	9.136.126.594	621.766.661

(i) Các khoản điều chỉnh tăng bao gồm:

	Năm nay	Năm trước
Chi phí không có hóa đơn, chứng từ	663.958.590	485.181.910
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước	505.470	222.758.353
Cộng	664.464.060	707.940.263

(ii) Các khoản điều chỉnh giảm bao gồm:

	Năm nay	Năm trước
Chênh lệch chi phí lợi thế thương mại phân bổ	-	(112.315.698)
Lãi từ hoạt động liên doanh	-	(7.437.656.842)
Cổ tức nhận được	(36.369.400)	(26.761.620)
Cộng	(36.369.400)	(7.576.734.160)

Tiền thuê đất

Công ty nộp tiền thuê đất theo thông báo nộp thuế hàng năm của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Người lao động trong Công ty	4.044.214.300	2.923.003.512
Người lao động cung ứng cho các đơn vị khác	24.796.086	27.306.920
Cộng	4.069.010.386	2.950.310.432

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	-	448.316.258
Kinh phí công đoàn	2.250.204.159	1.612.168.986
Thu tiền chuyển nhượng cổ phần Vof Pe Holding 1 Limited	-	13.312.000.000
Phải trả cổ tức	9.120.000	3.608.000.000
Các khoản phải trả khác	67.890.438	328.068.033
Cộng	2.327.214.597	19.308.553.277

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	953.127.746	986.857.426
Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong năm	3.665.719.410	1.259.398.760
Chi quỹ trong năm	(1.564.623.500)	(1.293.128.440)
Số cuối năm	3.054.223.656	953.127.746

22. Phải trả dài hạn khác

Các khoản nhận ký quỹ dài hạn. Chi tiết như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trường Quốc Tế TP. Hồ Chí Minh	39.795.064.000	21.565.082.000
Trần Văn Khang – Đặt cọc thuê nhà 252 Hải Thượng Lãn Ông	30.000.000	30.000.000
Công ty TNHH Tân Mỹ Á	82.000.000	82.000.000
Công ty TNHH Hồng An	51.000.000	51.000.000
Nhà 8-10 Châu Văn Liêm, phường 10, quận 5	100.000.000	78.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Kim Hoa	105.000.000	177.000.000
Nhà Hàng Ngọc Lan Đình	13.500.000	11.000.000
Cộng	40.176.564.000	21.994.082.000

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	684.423.810	735.106.272
Khoản hoãn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	(684.423.810)	(50.682.462)
Số cuối năm	-	684.423.810

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**24. Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	28.085.782	3.154.924
Số trích lập trong năm	41.006.318	36.344.358
Số chi trong năm	(69.092.100)	(11.413.500)
Số cuối năm	-	28.085.782

25. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Cộng
Số dư đầu năm trước	30.000.000.000	1.505.332.610	957.353.633	2.016.322.793	-	34.479.009.036
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	8.187.555.552	-	8.187.555.552
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	434.121.759	419.799.587	(2.113.320.106)	-	(1.259.398.760)
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung năm 2006, 2007	-	(200.483.529)	-	-	-	(200.483.529)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	(4.800.000.000)	-	(4.800.000.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của tiền và công nợ ngắn hạn cuối năm trước	-	-	-	-	80.984.610	80.984.610
Điều chỉnh giảm khác	-	-	-	(196.808.966)	-	(196.808.966)
Số dư cuối năm trước	30.000.000.000	1.738.970.840	1.377.153.220	3.093.749.273	80.984.610	36.290.857.943
Số dư đầu năm nay	30.000.000.000	1.738.970.840	1.377.153.220	3.093.749.273	80.984.610	36.290.857.943
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	26.463.688.856	-	26.463.688.856
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	1.221.906.470	1.221.906.470	(6.109.532.350)	-	(3.665.719.410)
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	(6.900.000.000)	-	(6.900.000.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của tiền và các khoản công nợ ngắn hạn cuối năm trước	-	-	-	-	(80.984.610)	(80.984.610)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của tiền và các khoản công nợ ngắn hạn cuối năm nay	-	-	-	-	619.515.817	619.515.817
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung năm 2008, 2009	-	-	-	(105.532.088)	-	(105.532.088)
Giảm lợi nhuận do phân bổ lợi thế kinh doanh theo Biên bản của Kiểm toán nhà nước	-	-	-	(2.737.695.241)	-	(2.737.695.241)
Hoàn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả theo Biên bản của kiểm toán nhà nước	-	-	-	684.423.810	-	684.423.810
Điều chỉnh tăng khác	-	-	-	100.134.134	-	100.134.134
Số dư cuối năm nay	30.000.000.000	2.960.877.310	2.599.059.690	14.489.236.394	619.515.817	50.668.689.211

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức những năm trước	6.008.000.000	1.192.000.000
Tạm ứng cổ tức năm nay	4.490.880.000	-
Cộng	10.498.880.000	1.192.000.000

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	15.300.000.000	15.300.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	14.700.000.000	14.700.000.000
Cộng	30.000.000.000	30.000.000.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số cuối năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	68.741.502.975	71.737.266.695
Dịch vụ giới thiệu việc làm, cung ứng lao động	50.489.745.296	41.505.466.524
Dịch vụ cho thuê nhà, kho, bãi, môi giới địa ốc	18.050.675.857	18.324.164.205
Dịch vụ du lịch	-	11.446.632.862
Dịch vụ khác	201.081.822	461.003.104
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	68.741.502.975	71.737.266.695

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Dịch vụ giới thiệu việc làm, cung ứng lao động	48.568.166.030	39.562.620.411
Dịch vụ cho thuê nhà, kho, bãi, môi giới địa ốc	11.263.836.895	11.038.202.330
Dịch vụ du lịch	-	10.987.774.740
Dịch vụ khác	919.294.875	587.710.208
Cộng	60.751.297.800	62.176.307.689

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.202.415.130	783.716.342
Lãi tiền ký quỹ	30.416.672	30.416.672
Lãi liên doanh	-	7.437.656.842
Lãi đầu tư cổ phiếu	36.369.400	30.367.084
Lãi thanh lý khoản đầu tư công ty liên kết	34.972.080.000	-
Hoàn nhập dự phòng chứng khoán	-	429.451.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	43.028.610	229.690.124
Cộng	39.284.309.812	8.941.298.064

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	456.250
Lỗ đầu tư ngắn hạn	66.979.556	-
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn	(23.494.360)	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	12.940.831	165.919.891
Chi phí thanh lý khoản đầu tư công ty liên kết	132.000.000	-
Phí giao dịch trực tuyến	-	350.000
Cộng	188.426.027	166.726.141

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	7.703.031.978	6.036.039.412
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	145.181.864	26.999.189
Chi phí đồ dùng văn phòng	31.918.294	63.023.011
Chi phí khấu hao TSCĐ	585.066.390	594.516.000
Thuế, phí và lệ phí	279.015.000	288.477.143
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.156.843.991	1.074.254.709
Chi phí bằng tiền khác	1.671.051.850	1.729.833.375
Cộng	11.572.109.367	9.813.142.839

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập thanh lý TSCĐ	-	69.259.650
Thu nhập từ bán công cụ dụng cụ	-	47.515.850
Thu khác	304.154	25.787.471
Cộng	304.154	142.562.971

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản thanh lý	-	17.069.486
Giá trị còn lại công cụ dụng cụ thanh lý		47.515.850
Xử lý nợ khó đòi	-	6.105.000
Chi phí khác	20.000.385	53.790.800
Cộng	20.000.385	124.481.136

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

9. Chi phí theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	7.703.031.978	6.036.039.412
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	145.181.864	26.999.189
Chi phí đồ dùng văn phòng	31.918.294	63.023.011
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.229.249.939	1.370.949.097
Thuế, phí và lệ phí	279.015.000	288.477.143
Chi phí dịch vụ mua ngoài	61.263.958.242	62.474.129.301
Chi phí bằng tiền khác	1.671.051.850	1.729.833.375
Cộng	72.323.407.167	71.989.450.528

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.808.316.600	830.788.000
Thù lao	156.000.000	192.000.000
Tiền thưởng	330.000.000	520.816.200
Cộng	2.294.316.600	1.543.604.200

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn Du lịch	Công ty con
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn Nhân lực	Công ty con
Công ty TNHH MTV Sài Gòn Kinh thương	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Căn hộ Xanh CT - Dầu khí	Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư Căn hộ Xanh CT – Dầu khí		
Góp vốn đầu tư	-	(1.800.000.000)
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn Du lịch		
Góp vốn đầu tư	-	(2.000.000.000)
Bán tài sản, công cụ dụng cụ	-	116.775.500
Cung cấp dịch vụ cho thuê nhà	54.545.456	40.909.092
Cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách	54.809.092	54.857.143
Mua tour du lịch	(603.716.416)	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn Nhân lực		
Góp vốn đầu tư	-	(5.000.000.000)
Cung cấp dịch vụ	32.727.272	5.454.545
Cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách	10.636.364	952.381
Công ty TNHH MTV Sài Gòn Kinh thương		
Góp vốn đầu tư	-	(500.000.000)
Mua dịch vụ	(22.500.000)	-

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty không có số dư với các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Dịch vụ giới thiệu việc làm, cung ứng lao động.
- Dịch vụ cho thuê nhà, môi giới và ủy thác cho thuê nhà.
- Các lĩnh vực khác: Bao gồm hoạt động cho thuê xe, vận tải hành khách và các dịch vụ khác.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được thể hiện ở Phụ lục đính kèm.

Khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh.



Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

31